

Phụ lục II
TÀI SẢN TÍNH THEO RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI TÁC
(Kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

1. Đối với các giao dịch với Trung tâm thanh toán tập trung (Central clearing house), Trung tâm lưu ký chứng khoán và các giao dịch ngân hàng bán quyền chọn (short options), rủi ro tín dụng đối tác được xác định bằng 0.

2. Đối với các giao dịch có tiền ký quỹ, tài sản bảo đảm đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 26 Thông tư này, giá trị giao dịch được giảm trừ số tiền ký quỹ và giảm thiểu rủi ro theo tài sản bảo đảm quy định tại Điều 26 Thông tư này.

3. Giá trị giao dịch, giá trị tài sản cơ sở phải được lấy theo giá trị thị trường (mark to market). Trường hợp không có giá trị thị trường, ngân hàng phải tính toán giá trị theo các dữ liệu thị trường (mark to model) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của phương pháp tính toán, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo đối tượng giám sát) trước khi thực hiện. Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo đối tượng giám sát) sẽ yêu cầu ngân hàng sửa đổi phương pháp tính toán trong trường hợp cần thiết.

4. Đối với giao dịch sản phẩm phái sinh: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác của giao dịch thứ j ($RWAccr_j$) được tính theo công thức:

$$RWAccr_j = [(RC_j + PFE_j) - C_j] \times CRW$$

Trong đó:

a) RC_j : Chi phí thay thế của giao dịch thứ j được xác định theo giá trị thị trường của giao dịch thay thế tương ứng với giá trị tài sản cơ sở, giá trị giao dịch gốc (chỉ lấy giá trị dương);

b) PFE_j : Giá trị tương lai trạng thái rủi ro của giao dịch thứ j được xác định trên cơ sở tổng giá trị vốn danh nghĩa xác định theo quy định của pháp luật về hạch toán kế toán nhân với chỉ số tăng thêm (add-on factor) theo từng thời hạn còn lại như sau:

	Lãi suất	Ngoại hối (gồm Vàng tiêu chuẩn)	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền	Kim loại quý (trừ vàng)	Các hàng hóa khác
Từ 01 năm trở xuống	0,0%	1,0%	6,0%	7,0%	10,0%
Trên 01 năm đến 05 năm	0,5%	5,0%	8,0%	7,0%	12,0%
Trên 05 năm	1,5%	7,5%	10,0%	8,0%	15,0%

Trong đó:

(i) Đối với các hợp đồng giao dịch vốn gốc nhiều lần, chỉ số tăng thêm phải tính theo từng lần thanh toán còn lại của hợp đồng;

(ii) Trường hợp giá trị vốn danh nghĩa khác nhau theo thỏa thuận của giao dịch, chỉ số tăng thêm phải tính theo từng giá trị vốn danh nghĩa thỏa thuận theo giao dịch;

(iii) Đối với hợp đồng có ngày thanh toán hợp đồng cụ thể và ngày cụ thể định lại giá trị thị trường của hợp đồng bằng 0 thì thời hạn còn lại được xác định bằng thời gian cho đến kỳ định lại giá trị tiếp theo. Trường hợp hợp đồng lãi suất có thời hạn còn lại trên 01 năm mà đáp ứng các điều kiện trên, chỉ số tăng thêm là 0,5%;

(iv) “Các hàng hóa khác” bao gồm cả các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng quyền chọn mua và các hợp đồng phái sinh tương tự mà không thuộc các cột còn lại;

(v) Đối với sản phẩm hoán đổi lãi suất thả nổi/thả nổi một đồng tiền, tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{ccr}) tính theo giá trị thị trường của giao dịch, không phải tính giá trị tương lai trạng thái rủi ro của giao dịch (PFE_j).

(vi) Đối với giao dịch sản phẩm phái sinh tín dụng, chỉ số tăng thêm được xác định như sau:

Giao dịch sản phẩm phái sinh tín dụng	Chỉ số tăng thêm
1. Hợp đồng hoán đổi lợi nhuận tổng: - Nghĩa vụ tham chiếu đủ tiêu chuẩn là các nghĩa vụ của các tổ chức tài chính công lập của chính phủ, ngân hàng phát triển hoặc các hợp đồng hoán đổi khác có xếp hạng tín nhiệm từ Baa trở lên của Moody hoặc BBB trở lên của Standard & Poor's, Fitch Rating;	5%
- Nghĩa vụ tham chiếu không đủ tiêu chuẩn là các nghĩa vụ không đáp ứng các điều kiện nêu trên.	10%
2. Hợp đồng hoán đổi vỡ nợ tín dụng: - Nghĩa vụ tham chiếu đủ tiêu chuẩn;	5%
- Nghĩa vụ tham chiếu không đủ tiêu chuẩn.	10%

c) C_j : Giá trị tài sản đảm bảo. C_j được hiệu chỉnh theo hệ số hiệu chỉnh quy định tại Điều 26 Thông tư này. $C_j = 0$ nếu không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Thông tư này;

d) **CRW**: Hệ số rủi ro tín dụng của đối tác theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

5. Đối với các giao dịch Repo và Reverse Repo (trừ giao dịch mua có kỳ hạn công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác quy định tại Mục 6 Phụ lục này), tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{ccrj}) được tính theo công thức sau:

$$RWAccr_j = \{\text{Max}[(0, E_j - C_j \times (1 - H_c - H_{fx}))]\} \times CRW$$

Trong đó:

- H_c : Hệ số hiệu chỉnh tương ứng của tài sản cơ sở được quy định tại Điều 26 Thông tư này. C_j bằng 0 nếu không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Thông tư này;

- H_{fx} : Hệ số hiệu chỉnh độ lệch tiền tệ giữa giao dịch và tài sản bảo đảm, tài sản cơ sở và bằng 8%;

- CRW : Hệ số rủi ro tín dụng của đối tác theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

a) Đối với ngân hàng mua có kỳ hạn:

(i) E_j : Giá trị mua lại theo thỏa thuận của giao dịch thứ j theo quy định của pháp luật;

(ii) C_j : Giá trị của tài sản cơ sở thứ j .

b) Đối với ngân hàng bán có kỳ hạn:

(i) E_j : Giá trị của tài sản cơ sở thứ j ;

(ii) C_j : Giá trị mua lại theo thỏa thuận của giao dịch thứ j theo quy định của pháp luật.

6. Đối với giao dịch mua có kỳ hạn tài sản tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác, rủi ro tín dụng đối tác được tính như sau:

$$RWAccr = E_j \times CRW$$

Trong đó:

- E_j : Giá trị thanh toán khi đến hạn thanh toán, lãi chiết khấu và các chi phí hợp lý khác liên quan đến hợp đồng chiết khấu theo thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng (nếu có) của giao dịch thứ j theo quy định của pháp luật;

- CRW : Hệ số rủi ro tín dụng của đối tác theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

7. Đối với giao dịch có thỏa thuận thanh toán đồng thời mà đối tác không thực hiện thanh toán đúng thời gian đã cam kết, ngân hàng phải có quy trình theo dõi, giám sát chặt chẽ và phải tính tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác ($RWAccr$) khi giao dịch không được thanh toán sau 05 ngày kể từ ngày thanh toán đã cam kết theo công thức:

$$RWAccr = 12,5 \times GD \times r$$

Trong đó:

- GD : Số dư giao dịch chưa thanh toán đúng thời hạn cam kết;

- r : Hệ số rủi ro áp dụng theo số ngày chậm trả, được xác định như sau: 1

Số ngày chậm thanh toán	Hệ số rủi ro
Từ 5 đến 15 ngày	8%
Từ 16 đến 30 ngày	50%
Từ 31 đến 45 ngày	75%
Từ 46 ngày trở lên	100%

8. Đối với giao dịch không thỏa thuận thanh toán đồng thời, ngân hàng đã thực hiện thanh toán theo cam kết, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thỏa thuận thanh toán mà đối tác chưa thực hiện nghĩa vụ, ngân hàng tính tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWAccr) theo công thức sau:

$$RWAccr = E_j \times CRW$$

Trong đó:

- E_j : Giá trị của giao dịch thứ j;
- CRW : Hệ số rủi ro tín dụng của đối tác theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thỏa thuận thanh toán mà đối tác chưa thực hiện nghĩa vụ, ngân hàng phải trừ giá trị giao dịch và chi phí thay thế của giao dịch, nếu có vào vốn tự có cho tới khi đối tác thực hiện nghĩa vụ.

9. Việc bù trừ hai bên là việc ngân hàng thay thế một nghĩa vụ thanh toán với đối tác cho một đồng tiền nhất định vào thời điểm nhất định đối với các nghĩa vụ cùng đồng tiền và cùng thời điểm. Việc bù trừ hai bên chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thỏa thuận, hợp đồng bù trừ hai bên tạo ra một nghĩa vụ hợp pháp cho các giao dịch mà ngân hàng được nhận hoặc phải thực hiện thanh toán theo số dư bù trừ của các giá trị thị trường của các giao dịch riêng lẻ khi đối tác không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng do không có khả năng thanh toán, bị phá sản, bị thanh lý hoặc các trường hợp tương tự khác; không có điều khoản cho phép đối tác chỉ thực hiện việc thanh toán hạn chế hoặc không thanh toán đầy đủ từ tài sản của bên không thanh toán kể cả bên thanh toán là người được nhận thanh toán bù trừ;

b) Pháp luật của các nước có liên quan cho phép việc bù trừ hai bên;

c) Có quy trình đảm bảo các yêu cầu pháp lý của thỏa thuận, hợp đồng bù trừ hai bên được rà soát phù hợp theo những thay đổi của pháp luật liên quan.

10. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{accr}) khi bù trừ hai bên được xác định là tổng giá trị của các chi phí thay thế bù trừ, (nếu dương) và chỉ số tăng thêm theo giá trị vốn gốc danh nghĩa. Chỉ số tăng thêm của giao dịch bù trừ (A_{Net}) được xác định theo công thức:

$$A_{Net} = A_{Gross} (0,4 + 0,6 NGR)$$

Trong đó:

- A_{Gross} : Chỉ số tăng thêm tổng hợp được xác định bằng tổng giá trị tương lai trạng thái rủi ro của giao dịch của các giao dịch thành phần tính theo công thức quy định tại Mục 4 Phụ lục này;

- **NGR**: Tỷ lệ chi phí thay thế bù trừ trên tỷ lệ thay thế tổng hợp của các giao dịch trong thỏa thuận/hợp đồng bù trừ hai bên.

Ví dụ minh họa đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn:

Ngân hàng A (xếp hạng B+) và Ngân hàng B (không có xếp hạng tín nhiệm) ký kết hợp đồng mua bán có kỳ hạn 100 tỷ trái phiếu 10 năm của Ngân hàng C (không có xếp hạng tín nhiệm) trong thời hạn 3 tháng với giá trị mua lại là 98 tỷ đồng. Giá trị thị trường của số trái phiếu này tại thời điểm tính là 99 tỷ đồng. Việc tính tài sản theo rủi ro tín dụng đối tác tại Ngân hàng A và Ngân hàng B như sau:

- Giá trị H_c đối với trái phiếu 10 năm của Ngân hàng C (không có xếp hạng tín nhiệm) theo Điều 26 Thông tư này là 12%.

- **Ngân hàng A** (bên bán) phải xác định tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác cho giao dịch này như sau:

+ Xác định hệ số rủi ro tín dụng của đối tác (ngân hàng B) theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này là 70%

+ Tính tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác:

$$RWAccr = [\text{Max}(0, (99 - 98 \times (1 - 0,12))] \times 70\% = 8,932 \text{ tỷ đồng.}$$

- **Ngân hàng B** (bên mua) phải xác định tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác cho giao dịch này như sau:

+ Xác định hệ số rủi ro tín dụng của đối tác (ngân hàng A) theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này là 50%.

+ Tính tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác:

$$RWAccr = [\text{Max}(0, (98 - 99 \times (1 - 0,12))] \times 50\% = 5,44 \text{ tỷ đồng.}$$

